

Bản án số: 68/2017/HSST
Ngày: 30/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Hợp

Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Hào - Kiểm sát viên.

Từ ngày 23/11/2017 đến ngày 30/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/HSST ngày 20/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/HSST-QĐ ngày 08/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Minh N, sinh ngày 28/9/1979

Nơi cư trú: Thôn Nam Khánh, xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền sự: Không.

Tiền án : Bản án số 145/HS-ST ngày 30/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt Phạm Minh N 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 25/1/2015

Con ông Phạm Văn L, đã chết; con bà Trần Thị L, sinh năm 1949

Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Vợ thứ nhất: Trần Thu H sinh năm 1981, đã ly hôn năm 2005

Vợ thứ hai: Đỗ Thị N sinh năm 1984, đã ly hôn năm 2014

Con: có 02 con, lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008.

Bị cáo tạm giam từ ngày 17/8/2017 đến nay – có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 – vắng mặt

Trú tại xóm S, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Minh N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi vi phạm pháp luật như sau: Khoảng cuối tháng 05/2016, Phạm Minh N đến làm thuê cho anh Nguyễn Quang H là chủ thầu xây dựng công trình cầu đường dân sinh tại xóm T, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình thi công, N và anh H ở trọ tại nhà anh Đinh Văn D thuộc xóm T, xã C, huyện Đ.

Tối ngày 03/6/2016, N và anh H ngủ chung giường tại phòng khách nhà anh D. Biết anh H có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29B1 - 00.154 nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng dựng ở lán sao chè gần nhà bếp nhà anh D và cất các thiết bị phục vụ công trình xây dựng ở trong bếp nhà anh D nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp số tài sản trên. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/6/2016, thấy anh H ngủ say, N dậy đi ra ngoài sân thấy chìa khóa điện của xe mô tô vẫn cắm ở ổ khóa điện, cửa bếp nhà anh D không khóa. N đi vào trong bếp lấy 01 máy khoan bê tông, 01 máy cắt, 01 máy cưa, 01 máy hàn điện, 01 cuộn dây điện, 01 đoạn dây xích câu dầm nặng 10 kg, 01 đoạn dây điện của máy hàn điện cho vào một bao tải dứa rồi đặt lên phía trước giá để hàng của xe mô tô biển kiểm soát 29B1-00154 đi ra đường quốc lộ. N điều khiển xe đi đến khu vực cầu T thuộc thành phố Hà Nội thì bán số thiết bị lấy trộm được cho một người phụ nữ không quen biết thu mua đồng nát ở ven đường được 800.000 đồng. N đi lên tỉnh H xin làm công nhân ở một công trường xây dựng được 20 ngày sau đó bỏ trốn. Ngày 17/8/2017, N bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt theo lệnh truy nã.

Anh H sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo đến Công an xã C. Sau đó vụ án được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Đ kết luận về giá tại văn bản số 29a/KL-HĐĐG ngày 10/7/2016 cụ thể như sau: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29B1- 00154, nhãn hiệu Honda Wave màu sơn trắng - đỏ - đen giá trị 7.000.000 đồng; 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu Maktek, loại 320V/860W giá trị 1.000.000 đồng, 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Boss, loại 850W/230V trị giá 250.000 đồng, 1 máy cưa gỗ nhãn hiệu M1i – ATZ loại coss 250 trị giá 500.00 đồng, 01 máy hàn điện tử, loại 20A/20.8V đến 200A/18,0V, 1 pha 220V trọng lượng 5,5kg giá trị 2.000.000 đồng, dây xích câu dầm dài 7m loại xích đúc, mắt 6m, trọng tải 15 tấn trị giá 500.000 đồng, 01 dây hàn điện dài 10m loại dây 6ly giá trị 200.000 đồng, 01 dây điện loại 2,5A dài 30m giá trị 180.000 đồng. Tổng giá trị số tài sản là: 11.630.000 đồng .

Hiện chiếc xe mô tô đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn H quản lý và sử dụng, số tài sản còn lại chưa thu hồi được. Anh H có yêu cầu N phải bồi thường thiệt hại cho anh số tiền là 13.000.000 đồng, N đồng ý yêu cầu trên.

Tại bản cáo trạng số 327/KSĐT-KT ngày 07/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Minh N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại cơ quan điều tra và trước phiên toà hôm nay bị cáo khai nhận hành vi vi phạm pháp luật như bản cáo trạng đã nêu trên và nhất trí mức bồi thường mà người bị hại yêu cầu.

Kết thúc xét hỏi, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Phạm Minh N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt Phạm Minh N mức án tù từ 15 đến 18 tháng tù.

Căn cứ Điều 41BLHS, Điều 584, Điều 585, Điều 589 BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại.

Căn cứ Điều 99; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để buộc trách nhiệm nộp án phí đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ mức án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra vụ án về thời gian, địa điểm và loại tài sản chiếm đoạt và vật chứng thu giữ được. Như vậy đủ cơ sở xác định, Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/6/2016, tại gia đình anh Đinh Văn D, thuộc xóm T, xã C, huyện Đ, lợi dụng sơ hở của người bị hại bị cáo Phạm Minh N đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Quang H: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29B1- 00154 nhãn hiệu Honda Wave, 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu Maktek, 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Boss, 01 máy cưa gỗ nhãn hiệu Mli - ATZ loại Coss, 01 máy hàn điện tử, 01 dây xích câu dầm loại xích đúc dài 7m, 10m dây hàn điện loại dây 61y, 30m dây điện loại dây 2,5A. Tổng giá trị của các tài sản trên là 13.630.000đồng.

Ý thức, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm, phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Xét tính chất mức độ của vụ án và nhân thân của bị cáo, hội đồng xét xử thấy: bị cáo đã có tiền án cùng loại tội nhưng không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục tái phạm. Sau khi phạm tội mới lại bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra truy tố và xét xử; hậu quả vụ án chưa được khắc phục xong. Xét cần có mức án và buộc bị cáo cách ly xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà công khai đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về việc làm của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29B1- 00154 nhãn hiệu Honda Wave trả cho người bị hại.

Số tài sản còn lại chưa thu hồi được, quá trình điều tra anh H yêu cầu bị cáo bồi thường 13.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí mức bồi thường mà anh H yêu cầu. Xét cần chấp nhận yêu cầu của anh H, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh H số tiền là 13.000.000đ(mười ba triệu đồng).

Quá trình điều tra, N khai đã bán số tài sản trộm cắp của anh H cho một người phụ nữ không biết tên tuổi địa chỉ ở khu vực cầu T, thành phố Hà Nội. Do không xác định được lai lịch địa chỉ của người phụ nữ trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định chung. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh N phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt Phạm Minh N 15(mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017. Căn cứ Điều 228 BLTTHS, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585 BLDS buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Huy 13.000.000đ(mười ba triệu đồng). Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Huy có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào điều 99 BLTTHS, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HSST và 650.000đ(sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp NSNN.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với ngư

ời có mặt; kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ
- Chi cục THA huyện Đại Từ
- Công an huyện Đại Từ
- Bị cáo
- Người bị hại
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN HỒNG MÂY

